

BỘ LÂM NGHIỆP

Số: 9/LN-KL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 1 tháng 6 năm 1993

THÔNG TƯ
CỦA BỘ LÂM NGHIỆP

Hướng dẫn thực hiện Nghị định 14/CP của Chính phủ ban

hành quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ rừng

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 14/CP ngày 5 tháng 12 năm 1992 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ rừng.

Bộ Lâm nghiệp hướng dẫn thực hiện như sau:

I. NHỮNG HÀNH VI VI PHẠM VÀ VẬN DỤNG MỨC ĐỘ XỬ PHẠT

A. XÁC ĐỊNH HÀNH VI VI PHẠM.

1- Phá rừng trái phép (Điều 1, Nghị định 14-CP)

Là hành vi chặt, phá rừng mà không được cấp có thẩm quyền cho phép, vi phạm Điều 13 của Luật bảo vệ và phát triển rừng.

Các hành vi như: Phá rừng lấy đất để trồng trọt, chăn nuôi, xây dựng đường dây điện, đào đắp bờ trong rừng ngập mặn để nuôi tôm.

2- Khai thác rừng trái phép (Điều 2)

Là hành vi khai thác, chặt cây rừng lấy lâm sản để sử dụng hoặc để bán trái với quy định tại các Điều 19, 37, 38 và 39 của Luật bảo vệ và phát triển rừng. Các hành vi như:

2.1- Khai thác rừng hoặc chặt cây không có giấy phép, giấy phép khai thác không hợp lệ.

2.2- Chủ rừng vi phạm quy chế quản lý rừng, quy trình quy phạm như: Khai thác không có thiết kế, không có quyết định mở cửa rừng, sai địa điểm, cây không có dấu búa bài chặt, cây chưa đủ tuổi khai thác, vượt sản lượng...

2.3- Khai thác gỗ nhóm IIA không được Bộ Lâm nghiệp cho phép, vi phạm quy định tại Nghị định 18-HĐBT ngày 17 tháng 1 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) quy

định danh mục thực vật rừng, động vật rừng quý hiếm và chế độ quản lý bảo vệ.

Đối với nhóm IA, Nhà nước nghiêm cấm việc khai thác, sử dụng, không thuộc phạm vi xử phạt hành chính mà phải lập hồ sơ theo thẩm quyền quy định để truy cứu trách nhiệm hình sự.

2.4- Trường hợp khai thác trái phép trên làm cho rừng bị tàn kiệt, giảm chất lượng, giảm phẩm cấp thì coi như hành vi phá rừng, xử lý theo Điều 1, Nghị định 14-CP.

3- Phá đốt rừng trái phép để làm nương rẫy (Điều 3).

Là hành vi chặt, phá đốt rừng lấy đất trồng trọt ra ngoài vùng do Ủy ban nhân dân huyện quy định, vi phạm Điều 21 Luật bảo vệ và phát triển rừng.

Để hạn chế việc phá rừng làm nương rẫy, hạt kiểm lâm phải tham mưu giúp Ủy ban nhân dân huyện quy vùng hướng dẫn cho đồng bào ở vùng cao làm nương rẫy ổn định.

4. Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng (Điều 4).

Là hành vi vi phạm những quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng hoặc gây cháy rừng, vi phạm Điều 22, Luật bảo vệ và phát triển rừng. Các hành vi như:

4.1. Cá nhân, tổ chức gây cháy rừng làm thiệt hại tài nguyên rừng.

4.2. Vi phạm quy định cấm dùng lửa trong rừng dễ cháy như: Đun nấu thức ăn, sưởi ấm, đốt nương rẫy. Dùng lửa săn bắt động vật rừng, hoặc vi phạm quy định cấm mang chất nổ, chất dễ cháy vào rừng...

4.3. Chủ rừng vi phạm quy định phòng cháy, chữa cháy rừng như: Trồng rừng không thiết kế làm đường ranh, kênh mương cản lửa, không thực hiện hướng dẫn của cơ quan quản lý Nhà nước về lâm nghiệp trong việc thực hiện phòng cháy, chữa cháy rừng...

4.4. Khi chủ rừng phát hiện có cháy rừng, không tổ chức huy động ngay lực lượng chữa cháy rừng, không báo cáo kịp thời lên cấp trên để có biện pháp cứu chữa...

5. Vi phạm quy định về phòng trừ sâu, bệnh hại rừng (Điều 5).

Là hành vi vi phạm những quy định về phòng trừ sâu bệnh hại rừng, vi phạm Điều 23 Luật bảo vệ và phát triển rừng. Các hành vi như: Chủ rừng không thực hiện các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại rừng theo quy định; thiếu trách nhiệm trong việc điều tra phát hiện, để dịch sâu bệnh hại rừng phát triển hoặc không tổ chức diệt trừ khi có dịch sâu bệnh; sử dụng thuốc không đúng quy định như: Loại thuốc cấm dùng, dùng sai thuốc, không đúng liều lượng và nồng độ...

6. Chăn thả trái phép gia súc vào rừng (Điều 6).

Là hành vi chăn thả gia súc vào những khu rừng được quy định cấm chăn thả, vi phạm Điều 20, 21 của Luật bảo vệ và phát triển rừng. Các hành vi như: Chăn thả gia súc vào khu rừng mới trồng, mới dặm cây con, chăn thả gia súc vào rừng đặc dụng, đã có quy định cấm chăn thả gia súc.

7. Săn bắt trái phép động vật rừng (Điều 7).

Là hành vi săn, bắt động vật rừng trái với quy định hiện hành về săn bắt động vật rừng vi phạm Điều 19 Luật bảo vệ và phát triển rừng. Các hành vi như:

7.1. Săn, bắt động vật rừng không có giấy phép của cơ quan kiểm lâm từ cấp tỉnh trở lên cho phép hoặc giấy phép không hợp lệ, săn bắt không đúng nội dung cho phép, hoặc sử dụng những phương pháp, phương tiện cấm sử dụng để săn bắt động vật rừng.

7.2. Săn bắt động vật rừng thuộc nhóm IIB không được Bộ Lâm nghiệp cho phép, vi phạm quy định tại Nghị định 18-HĐBT ngày 17 tháng 1 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng.

Đối với nhóm IB, Nhà nước nghiêm cấm việc khai thác, sử dụng, không thuộc phạm vi xử phạt hành chính mà phải lập hồ sơ theo thẩm quyền quy định để truy cứu trách nhiệm hình sự.

8. Lấn chiếm đất có rừng (Điều 8) và đất gây trồng rừng (Điều 9).

Là hành vi tự ý sử dụng đất có rừng hoặc đất gây trồng rừng vào bất kỳ mục đích gì không được cơ quan có thẩm quyền cho phép, vi phạm Điều 11 và Điều 13 của Luật bảo vệ và phát triển rừng.

Trường hợp lấn chiếm đất có rừng và đã chặt phá cây rừng trên diện tích đất đó thì xử lý theo Điều 1 Nghị định 14-CP.

9. Gây thiệt hại đất rừng (Điều 10).

Là hành vi vi phạm quy định về bảo vệ đất rừng tại Điều 24 Luật bảo vệ và phát triển rừng. Các hành vi như: Đào bới, san lấp, nổ mìn, lấy đất, đá, đào gốc rễ cây rừng không được phép của cơ quan có thẩm quyền.

10. Gây thiệt hại đến rừng (Điều 11)

Là hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường sinh thái rừng, vi phạm Điều 24 Luật bảo vệ và phát triển rừng. Các hành vi như:

Đào đắp để làm cho rừng bị ngập nước, để chất độc hại trong rừng hoặc xả chất thải độc hại vào rừng...

11. Vi phạm quy định về xuất, nhập khẩu lâm sản (Điều 12).

Là hành vi vi phạm những quy định về xuất, nhập khẩu lâm sản, thực vật rừng, giống cây rừng, động vật rừng, vi phạm Điều 25 Luật bảo vệ và phát triển rừng. Các hành vi như: Xuất khẩu, nhập khẩu thực vật rừng, giống cây rừng, động vật rừng không được Bộ Lâm nghiệp cho phép.

Xuất khẩu các loại lâm sản hoặc chủng loại lâm sản của sản phẩm (theo Thông tư 09-TT/LB ngày 18 tháng 5 năm 1992) mà Nhà nước đã có quy định cấm xuất khẩu.

12. Vận chuyển trái phép lâm sản (Điều 13).

Là hành vi vi phạm thủ tục vận chuyển lâm sản, vi phạm Điều 20 Luật bảo vệ và phát triển rừng. Cụ thể là vi phạm các quy định tại Thông tư số 08-LN/KL ngày 25 tháng 4 năm 1992 về việc hướng dẫn kiểm tra khai thác và vận chuyển lâm sản và Thông tư số 13-LN/KL ngày 12 tháng 10 năm 1992 của Bộ Lâm nghiệp về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 18-HĐBT quy định danh mục thực vật rừng, động vật rừng quý hiếm và chế độ quản lý, bảo vệ.

13. Mua bán, tàng trữ, sử dụng, kinh doanh trái phép lâm sản (Điều 14).

Là hành vi vi phạm những quy định về quản lý và kinh doanh lâm sản, vi phạm Điều 20 Luật bảo vệ và phát triển rừng. Các hành vi như:

Mua bán, tàng trữ, sử dụng các loại lâm sản có nguồn gốc khai thác, mua bán không hợp pháp.

Kinh doanh lâm sản không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền cấp, hoặc sai nội dung giấy phép, hoặc kinh doanh lâm sản có nguồn gốc không hợp pháp.

B. VẬN DỤNG MỨC ĐỘ XỬ PHẠT

1. Căn cứ để quyết định mức xử phạt

Cơ quan kiểm lâm sau khi xác định hành vi vi phạm ở mục A Thông tư này. Căn cứ ba yếu tố sau đây để xem xét, quyết định mức xử phạt.

a) Tính chất và mức độ vi phạm: Cần xem xét khách thể bị xâm hại; phương tiện và công cụ trực tiếp dùng để vi phạm; mục đích, động cơ, thái độ và hình thức lỗi (vô ý hay cố ý) của người vi phạm; hậu quả do vi phạm gây nên.

b) Nhân thân người vi phạm như: Lịch sử bản thân (có tiền án, tiền sự chưa) sức khỏe, lứa tuổi, trình độ văn hoá, nghề nghiệp, môi trường sống.

c) Các tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính.

2. Các hình thức xử phạt và biện pháp hành chính khác.

a) Các hình thức xử phạt chính.

Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính về lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng phải chịu một trong các hình phạt chính sau đây:

a1) Phạt cảnh cáo: Chỉ áp dụng đối với cá nhân vi phạm lần đầu, có tình tiết giảm nhẹ do cơ quan kiểm lâm hoặc nhân viên kiểm lâm có thẩm quyền xử phạt quyết định bằng văn bản hoặc cảnh cáo miệng tại chỗ.

a2) Phạt tiền:

Phạt tiền từ 20.000 đồng đến 50.000 đồng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm lần đầu; có tính chất đơn giản, rõ ràng, chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không đáng kể đến rừng và lâm sản.

Phạt tiền từ trên 50.000 đồng đến 10.000.000 đồng: Trong Nghị định đã quy định mức phạt tiền cụ thể đối với từng hành vi và từng mức độ vi phạm gây thiệt hại về rừng và lâm sản; trong trường hợp có tình tiết tăng nặng thì có thể áp dụng mức phạt tiền tối đa quy định đối với hành vi đó.

Những cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh tế, vi phạm Điều 12, 13, 14 Nghị định 14-CP có tình tiết tăng nặng thì áp dụng phạt tiền từ 1 lần đến 3 lần giá trị lâm sản phạm pháp hoặc từ 1 lần đến 3 lần số thu lợi bất chính. Số tiền phạt bằng biện pháp kinh tế này không phụ thuộc vào mức tiền phạt tối đa thuộc thẩm quyền mỗi cấp được xử phạt quy định tại Điều 15, Nghị định 14-CP.

b) Hình thức phạt bổ sung.

Ngoài hình thức phạt chính, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính có thể phải chịu các hình thức phạt bổ sung sau đây:

b1) Thu hồi giấy phép trong các trường hợp sau: Giấy phép cấp không đúng thẩm quyền quy định, giấy phép có nội dung trái với quy định về quản lý rừng, quản lý lâm sản; giấy phép do